CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC

Ngày 31/03/2025	4,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,000 - 4,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	937
P/E	4.3

DT thuần
Q1/25
150
tỷ VNĐ
QoQ: ▼269| -64.1%
YoY: ▼51.0| -25.1%

LN thuần
Q1/25
3.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.76| -51.4%
YoY: ▼1.53| -30.1%

LN sau thuế
Q1/25
3.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.43| -40.3%
YoY: ▼0.68| -15.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
3.3%
YoY: +/-▲ 1.3%

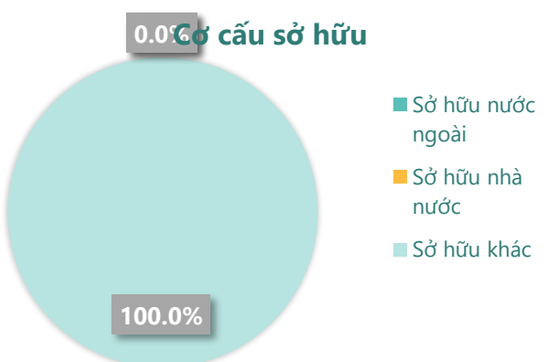
ROE (TTM)
Q1/25
17.0%
YoY: +/-▼ 0.8%

DT thuần
2024
1,603
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 526| 48.9%

LN thuần
2024
35.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.30| 35.9%

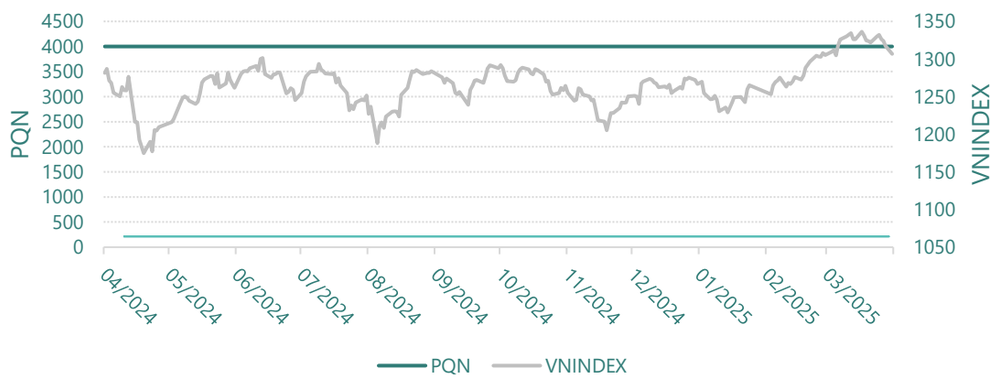
LN sau thuế
2024
28.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.40| 28.9%

Cơ cấu sở hữu

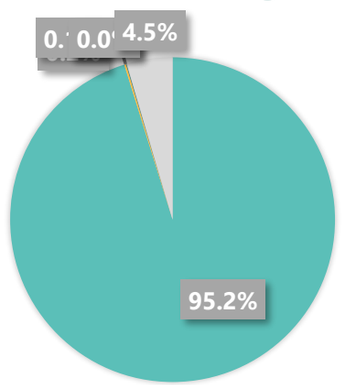


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

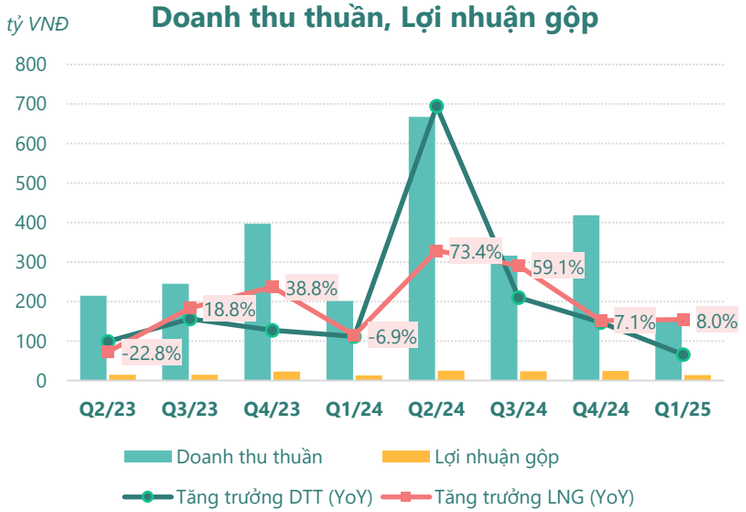


- Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
- Dương Hùng Văn
- Phạm Văn Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Trần Toàn
- Lê Hồng Phong (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

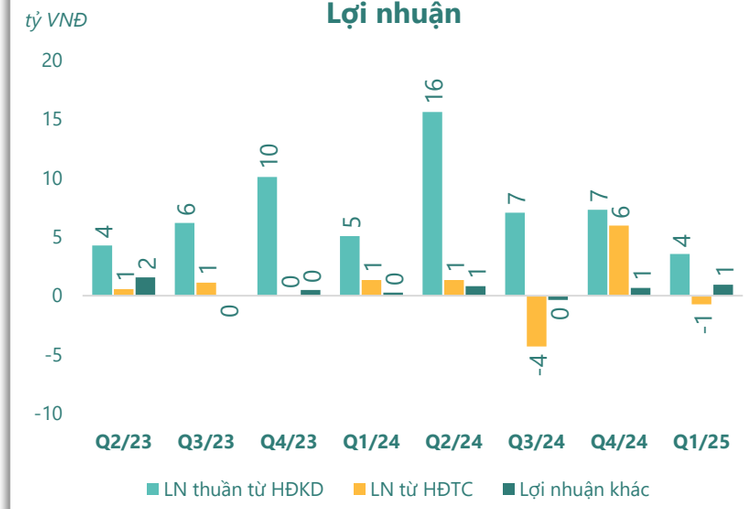
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



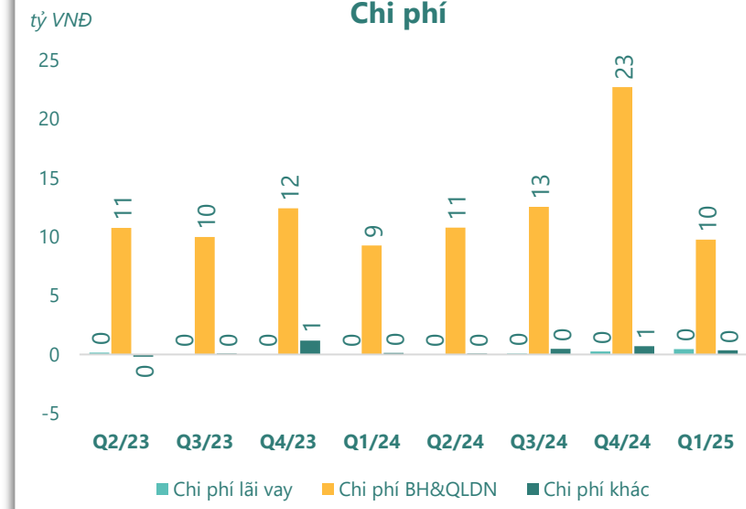
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



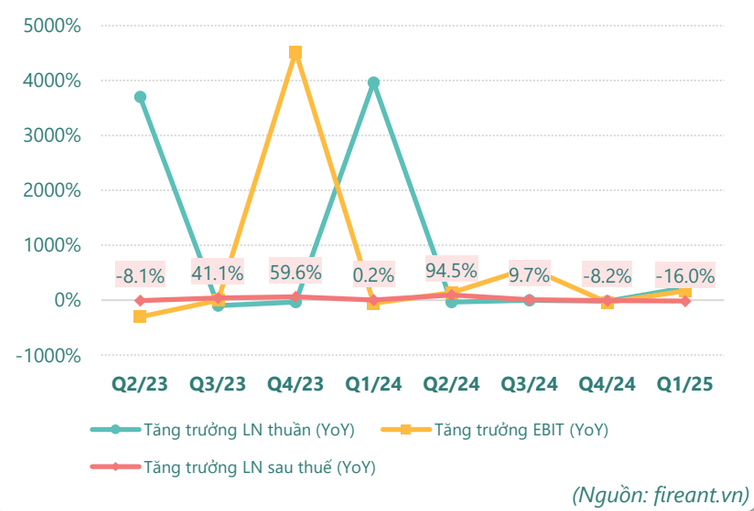
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



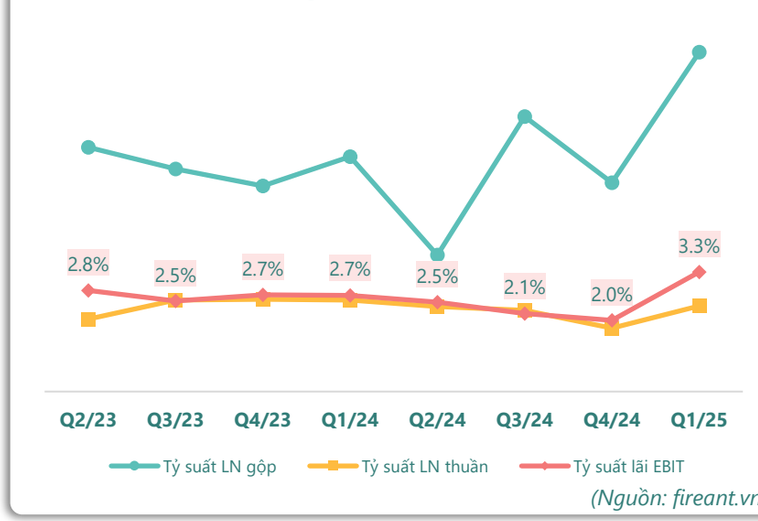
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



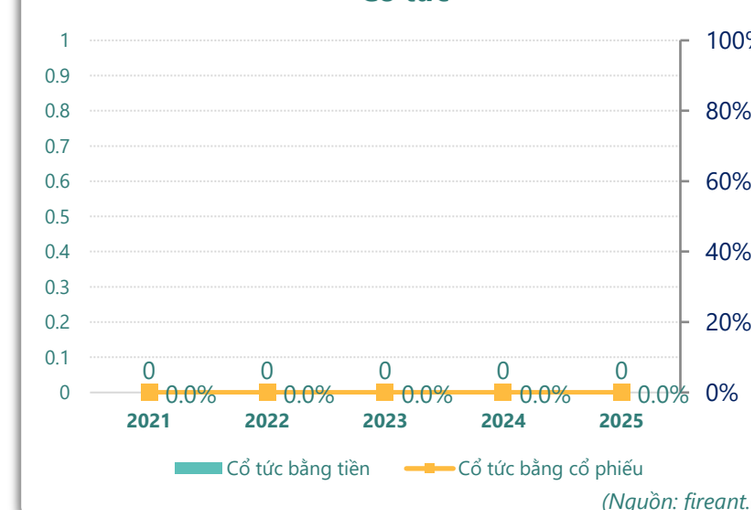
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

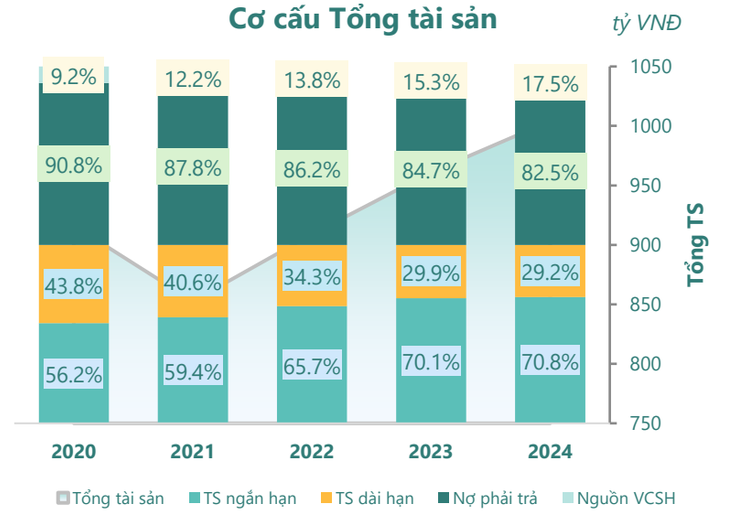
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

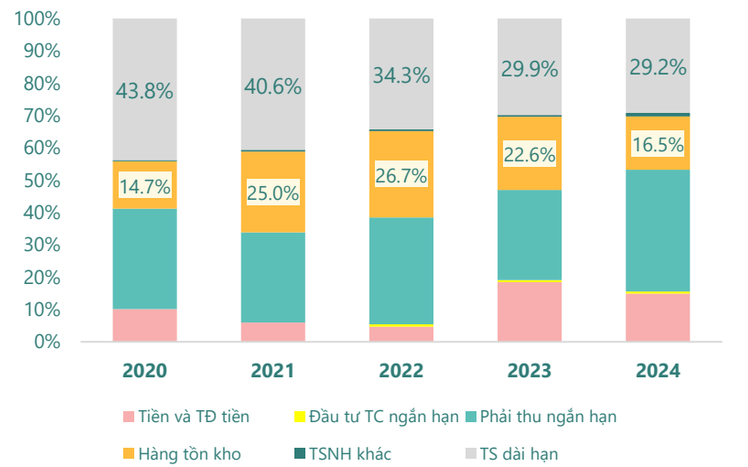
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



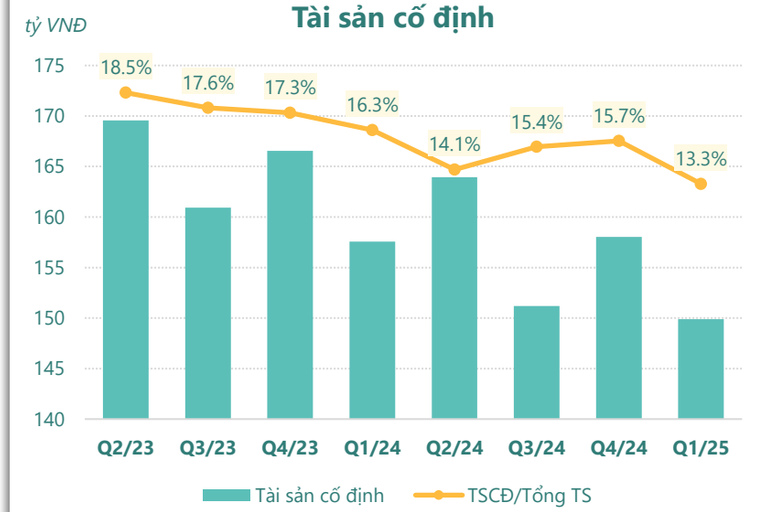
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



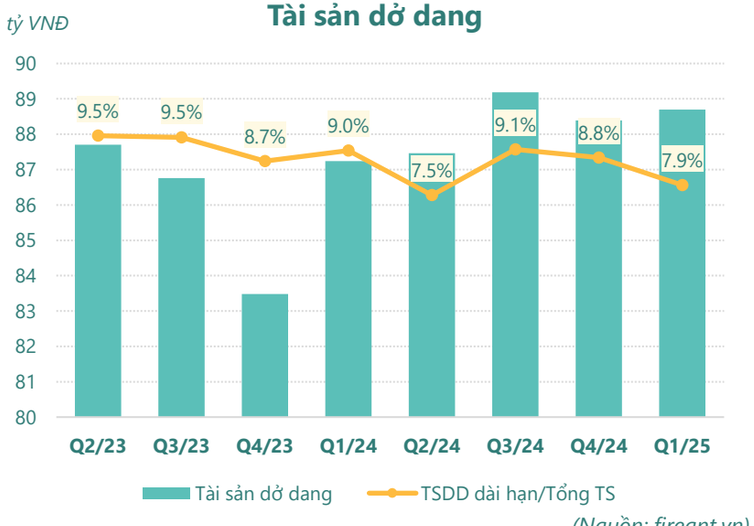
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



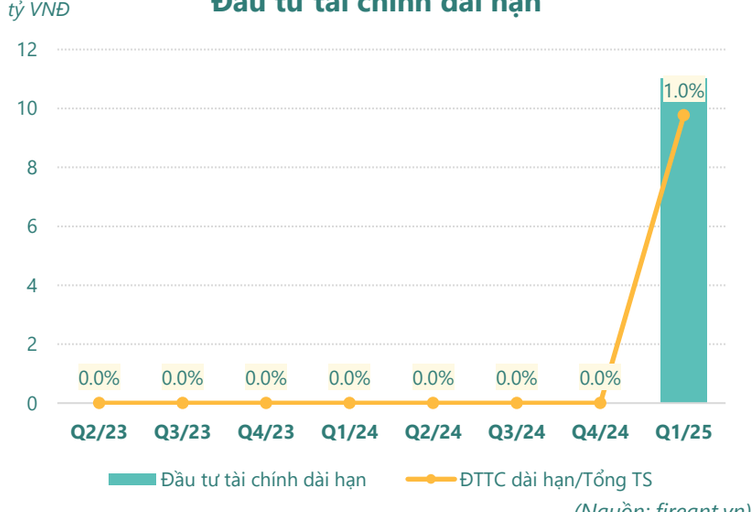
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



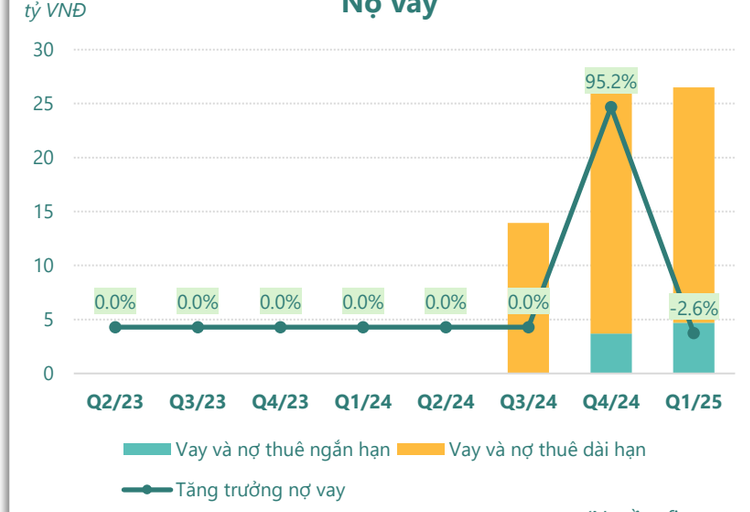
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

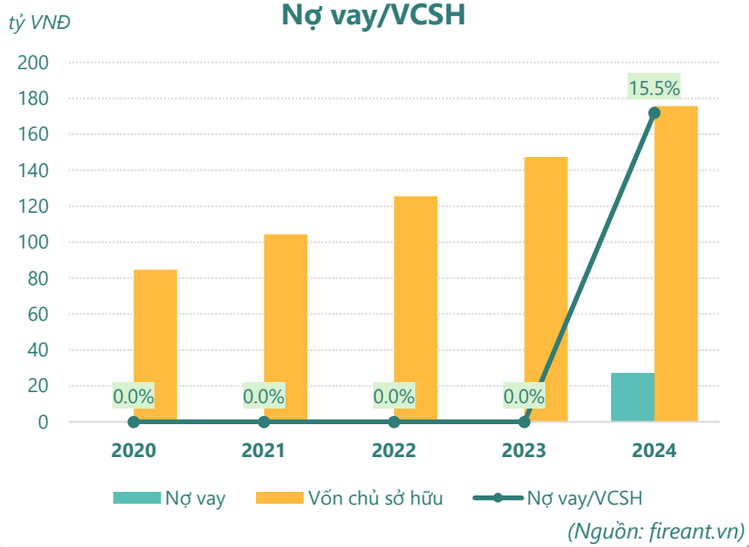
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

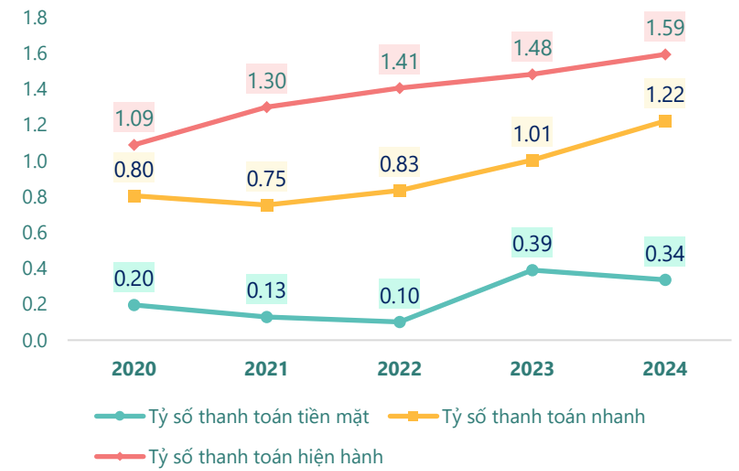
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



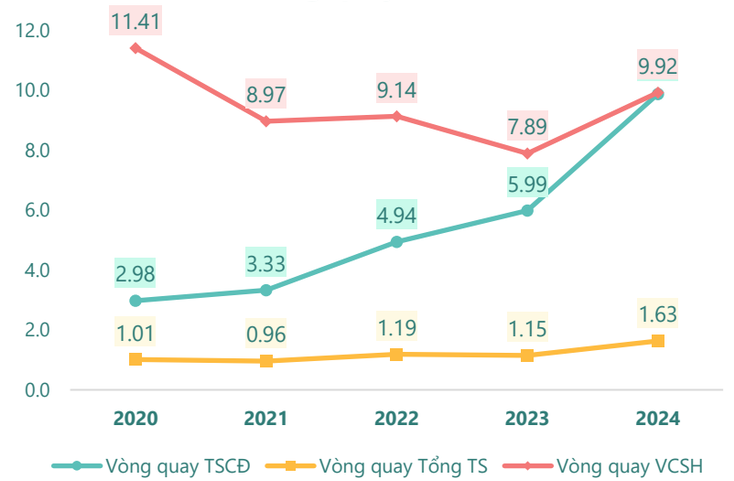
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



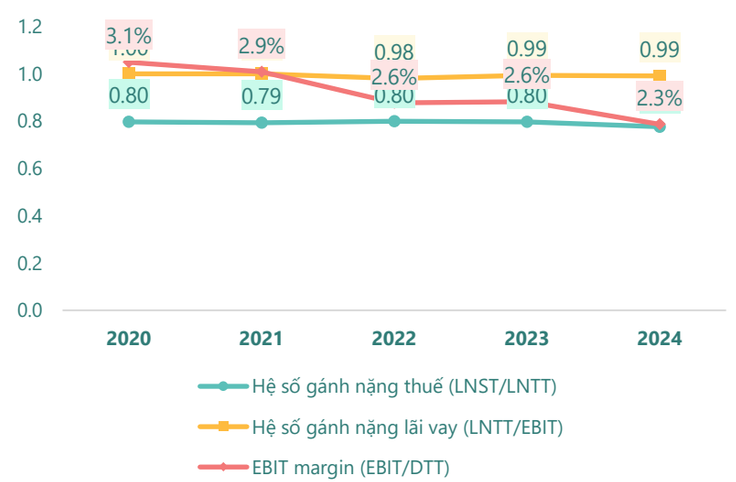
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



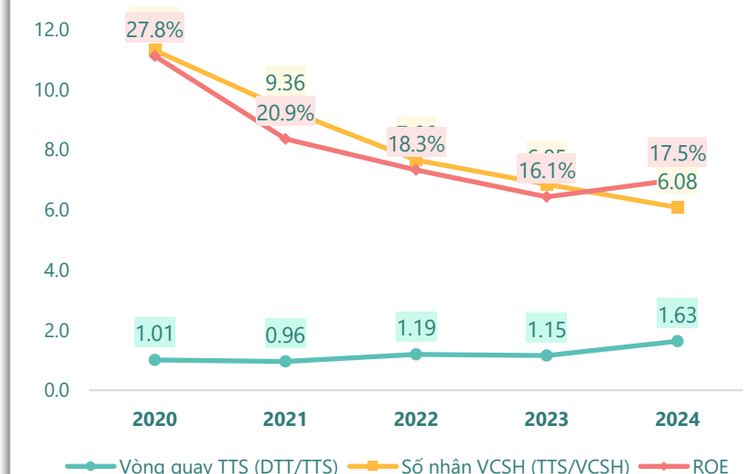
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



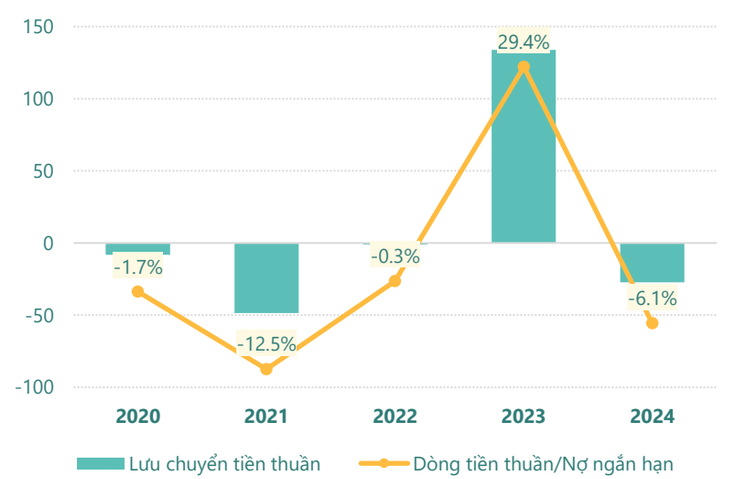
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**150**	**201**	**-25.1%**	**1,603**	**1,077**	**48.9%**
Giá vốn hàng bán	136	188	-27.4%	1,517	1,011	50.0%
Lợi nhuận gộp	14.1	13.0	8.2%	86.2	65.4	31.6%
Doanh thu HĐTC	1.55	1.44	7.9%	6.13	4.84	26.7%
Chi phí TC	2.30	0.11	1990%	1.84	2.26	-18.6%
Chi phí lãi vay	0.47	0.00		0.34	0.17	94.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**9.77**	**9.28**	**5.3%**	**55.4**	**42.2**	**31.1%**
LN thuần từ HĐKD	3.55	5.08	-30.1%	35.1	25.8	35.9%
Lợi nhuận khác	**0.94**	**0.26**	**261%**	**1.37**	**1.72**	**-20.6%**
LN trước thuế	4.49	5.34	-15.9%	36.4	27.5	32.4%
Lợi nhuận sau thuế	**3.59**	**4.27**	**-15.9%**	**28.3**	**21.9**	**28.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.59**	**4.27**	**-15.9%**	**28.3**	**21.9**	**28.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	103	-125	25.0	-18.5	128	57.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.7	-0.95	-21.3	0.02	-16.2	-0.44
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	13.9	-13.9	-0.70
Tiền đầu kỳ	88.8	178	50.9	54.9	54.2	150
Lưu chuyển tiền thuần	**89.2**	**-126**	**3.70**	**-4.55**	**97.9**	**55.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.49	-0.74	0.32	3.79	-1.81	-1.64
Tiền cuối kỳ	178	50.9	54.9	54.2	150	204

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,126**	**1,004**	**12.2%**
Tài sản ngắn hạn	834	711	17.3%
Tiền và tương đương tiền	204	150	36.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	0.0%
Phải thu ngắn hạn	256	378	-32.1%
Hàng tồn kho	338	166	104%
Tài sản ngắn hạn khác	28.7	10.9	163%
Tài sản dài hạn	**293**	**293**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	13.5	13.5	0.0%
Tài sản cố định	150	158	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	88.7	88.4	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**29.4**	**33.5**	**-12.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	947	828	14.3%
Nợ ngắn hạn	**566**	**446**	**27.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.70	3.70	27.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	266	241	10.7%
Nợ dài hạn	381	383	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.8	23.5	-7.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**179**	**176**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**179**	**176**	**2.0%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)